

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 21-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu Vân.

Bà Nguyễn Hà Quế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Trường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông P Bragaglia, sinh năm 1946.

Địa chỉ: V, Bologna, Italia.

(Bà T có mặt, ông P Bragaglia vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2017, bản tự khai ngày 17/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2014, bà quen biết với ông P Bragaglia thông qua mạng xã hội. Sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông P kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thành phố B. Việc kết hôn của bà và ông P là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, nguyên nhân là do khác biệt trong tính cách, cá tính, văn hóa, ngôn ngữ. Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn xin ly hôn với ông P Bragaglia.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong đơn đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, bị đơn ông P Bragaglia trình bày:

Năm 2016, ông và bà Phạm Thị T kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố B. Sau khi có giấy kết hôn, thời gian chung sống giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sự khác biệt trong tính cách, cá tính, văn hóa và nhiều khó khăn để hiểu nhau về mặt ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày. Điều này không cho phép ông bà có một mối quan hệ bình thường. Từ đó, ông nhận thấy tính cách và lối sống hai bên không giống nhau, không hòa hợp nên cách suy nghĩ hai bên trái ngược nhau. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông P Bragaglia có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt ông P Bragaglia theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị T và ông P Bragaglia kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa bà Phạm Thị T và ông P Bragaglia phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, nguyên nhân là do khác biệt trong tính cách, cá tính, văn hóa, ngôn ngữ. Xét điều kiện để bà Phạm Thị T và ông P Bragaglia đoàn tụ chung sống với nhau là không có, mục đích hôn nhân không đạt và tình cảm giữa ông bà không còn, bà T xin ly hôn và ông P cũng đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T, cho bà Phạm Thị T và ông P Bragaglia được ly hôn.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và cũng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông P Bragaglia.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Phạm Thị T đã nộp theo biên lai thu số 001024 ngày 05/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà Phạm Thị T phải nộp.

Bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P Bragaglia có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS TP.B;
- Đương sự;
- UBND TP.B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu